

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H

Số: 75/2024/QĐST - HNGĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

K, ngày 12 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 75/2024/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1971; Nơi đăng ký HKTT: Thôn H1, xã A, huyện K, tỉnh H; Hiện trú tại: Thôn P, TT. K, huyện K, tỉnh H.

Bị đơn: Ông Trần Việt Q, sinh năm 1970; Nơi đăng ký HKTT và trú tại: Thôn H1, xã A, huyện K, tỉnh H.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 - Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 57 - Luật Hôn Nhân Gia Đình năm 2014; khoản 3 Điều 147 – Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành lập ngày 04/6/2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Trần Thị T và ông Trần Việt Q.

2/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***/ Về con chung:** Bà T và ông Q đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung là anh Trần Văn T1, sinh ngày 17/9/1996 và anh Trần Văn T2, sinh ngày 15/02/2003

hiện đều đã khôn lớn trưởng thành, phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, không còn phụ thuộc vào bố mẹ nên bà T và ông Q đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết.

****/ Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp xây dựng đối với hai bên gia đình:*** Bà T và ông Q đều không đề nghị Tòa án đặt ra xem xét giải quyết.

****/ Về án phí:*** Bà Trần Thị T tự nguyện nhận nộp cả 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí LHST. Đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0001222 ngày 23/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, nên bà T được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HY;
- Dương sự;
- UBND xã A;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện KC;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Thu H2